

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 10 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến.

Ông Tạ Thanh Bự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2021/TLST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần D. Địa chỉ: Số 288 B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Văn N – Là chuyên viên phụ trách công nợ phải thu của Công ty Cổ phần D. Theo văn bản ủy quyền số 123/UQ – DHG ngày 16/12/2020, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trương Hồng T. Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Theo thỏa thuận mua bán giữa hai bên, Chi nhánh Công ty Cổ phần D tại Cà Mau và bà Trương Hồng T (đại diện hộ kinh doanh quây thuộc tây Hồng T) ký hợp đồng bán hàng số 01802/HDDH.18.CM/DHG – CMP về việc mua bán hàng hóa được phẩm. Theo nội dung hợp đồng Công ty Cổ phần D (viết tắt là Công ty D) cung cấp các

mặt hàng được phẩm cho bà T và bà T có nghĩa vụ thanh toán nợ trong vòng 45 ngày (kể từ ngày xuất hóa đơn) nếu để nợ quá hạn thì phải chịu mức lãi suất chậm thanh toán. Trong thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018 bà T đã mua của Công ty D tổng cộng 08 hóa đơn, với tổng số tiền là 160.978.602 đồng, trong đó đã thanh toán 82.754.640 đồng, số tiền còn nợ đến ngày 15/12/2020 là 78.223.962 đồng, số ngày nợ 812 ngày. Công ty D đã nhiều lần liên hệ trực tiếp và gửi văn bản yêu cầu bà T thanh toán hết nợ nhưng đến nay bà T chưa thanh toán hết nợ cho Công ty D. Sau khi Công ty khởi kiện tại Tòa án thì bà T có thanh toán tiền nợ gốc 4.000.000 đồng.

Nay Công ty D yêu cầu bà Trương Hồng T thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 30/6/2021 là 94.189.218 đồng, trong đó nợ gốc là 74.223.962 đồng; nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán là 19.965.256 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Trương Hồng T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2022 như sau: Bà thống nhất có ký hợp đồng mua bán với Công ty D như nguyên đơn trình bày và tính đến ngày 08/8/2021 bà còn nợ số tiền là 74.223.962 đồng và đồng ý thanh toán.

Đối với yêu cầu về tiền lãi, khi thu nợ công ty không thông báo cho bà biết nếu chậm thanh toán thì phải tính lãi nên bà không đồng ý. Đối với số tiền nợ gốc do tính hình dịch bệnh và đang có con nhỏ, việc làm ăn khó khăn, bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra bà có gửi lại một số thuốc cho công ty nhưng công ty chưa tính toán để trừ nên bà yêu cầu trừ 20.000.000 đồng vào nợ gốc, khi giao thuốc lại có văn bản đối chiếu nhưng bà không có giữ, bà chỉ tự ghi lại để theo dõi và hiện tại cũng không cung cấp được giấy tờ chứng minh cho việc này.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 74.223.962 đồng, tiền lãi yêu cầu từ ngày 08/8/2021 là ngày ký công nợ cuối cùng đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.221.319 đồng, không đồng ý yêu cầu trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng; đối với việc bà T cho rằng có gửi thuốc lại cho nhân viên công ty, do bà T không có thông báo cho công ty biết cũng như không cung cấp giấy tờ gì và đến thời điểm này phía công ty chưa có thông tin từ chi nhánh tại Cà Mau nên công ty xác định không có, do đó không chấp nhận trừ 20.000.000 đồng theo đề nghị của bà T. Trường hợp bà T có chứng cứ chứng minh có việc này thì công ty sẽ tính toán lại bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 77.445.281 đồng, trong đó nợ gốc là 74.223.962 đồng, nợ lãi tính từ ngày 08/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/01/2022) là 3.221.319 đồng; về án phí: Bà T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Hồng T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật, loại việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ án được Tòa án thụ lý loại việc tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán, quá trình giải quyết vụ án xác định bà Trương Hồng T có đăng ký kinh doanh nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán phát sinh giữa hộ kinh doanh với tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, do đó đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ là 77.445.281 đồng, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc là 74.223.962 đồng, thấy rằng: Hợp đồng giữa Công ty D với bà T được ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Theo đại diện nguyên đơn xác định từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018 bà T đã mua của Công ty D tổng cộng 08 hóa đơn, với tổng số tiền là 160.978.602 đồng, bà T đã thanh toán 86.754.640 đồng, số tiền còn nợ đến ngày 08/8/2021 là 74.223.962 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền của hợp đồng mua bán tài sản: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.”* Đối với bà T thừa nhận có ký hợp đồng mua bán với nguyên đơn và hiện còn nợ số tiền gốc đến ngày 08/8/2021 là 74.223.962 đồng, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, có đủ căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng mà các bên đã ký kết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu đối trừ số tiền 20.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc của bị đơn, thấy rằng: bị đơn cho rằng đây là số hàng hóa mà bà gửi lại cho Công ty D, tuy nhiên bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh đồng thời tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định không có nên không đồng ý đối trừ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc đối trừ 20.000.000 đồng vào số nợ gốc. Trường hợp có chứng cứ, chứng minh thì bà T có quyền yêu cầu thành vụ kiện khác.

[4.3] Đối với yêu cầu trả dần số nợ gốc mỗi tháng 4.000.000 đồng, tại phiên

tòa phía nguyên đơn không đồng ý, xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp, do đó không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[4.4] Đối với yêu cầu tính tiền nợ lãi của nguyên đơn từ ngày 08/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.221.319 đồng, bà T không đồng ý trả lãi vì cho rằng khi thu nợ phía công ty không thông báo cho bà biết việc tính lãi khi chậm trả. Xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”* và tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định nêu trên. Đối với lãi suất nguyên đơn yêu cầu không vượt mức lãi suất quy định của pháp luật nên được chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu không trả lãi của bị đơn.

[4.5] Từ các phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 77.445.281 đồng, trong đó nợ gốc là 74.223.962 đồng, nợ lãi tính từ ngày 08/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/01/2022) là 3.221.319 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu là: 3.872.264 đồng (77.445.281 đồng x 5%).

Công ty Cổ phần D không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D. Buộc bà Trương Hồng T trả cho Công ty Cổ phần D số tiền là: 77.445.281 đồng (bảy mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần D không phải chịu, hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần D 2.374.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011988 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Bà Trương Hồng T phải chịu 3.872.264 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm